TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị T, sinh năm 1977 (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Kim Phúc H, sinh năm 1978 (có mặt).

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Ngô Thị T trình bày: Bà kết hôn với ông Kim Phúc H ngày 06/11/2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, bà về chung sống cùng gia đình ông H. Quá trình chung sống thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường; đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng tuy ở chung một nhà nhưng sống ly thân, ăn riêng, ngủ riêng, không còn quan hệ tình cảm từ đầu năm 2023 cho đến nay. Nay, bà

xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Kim Phúc H.

Bị đơn, ông Kim Phúc H trình bày: Ông kết hôn với bà Ngô Thị T ngày 06/11/2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, bà T về chung sống cùng gia đình ông. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng bình thường. Đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T, mọi việc trong gia đình đều mang tính chất gia trưởng, không mang tính chất tôn trọng chồng cũng như gia đình nhà chồng, từ đó phát sinh những lời nói không hay dẫn đến việc bà T nhiều lần bỏ nhà đi. Nay bà T có đơn xin ly hôn, quan điểm của ông không đồng ý ly hôn bà T.

Về con chung, bà T và ông H đều trình bày: Ông, bà có 02 con chung là cháu Kim Gia P, sinh ngày 13/01/2002 và cháu Kim Gia B, sinh ngày 09/6/2008. Hiện nay cả 02 con đang ở với ông, bà. Ly hôn do cháu P đã thành niên, lao động tự túc được nên ông, bà không đề nghị Tòa án giải quyết. Đối với cháu B, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi cháu B và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con; ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nếu bà T muốn trực tiếp nuôi dưỡng cháu B thì ông cũng đồng ý.

Về tài sản, công nợ, công sức: Ông H và bà T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ngô Thị T, cho bà T được ly hôn ông Kim Phúc H. Về con chung, bà Ngô Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kim Gia B, sinh ngày 09/6/2008, do bà T không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí, bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Ngô Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Kim Phúc H và giải quyết về con chung; ông Kim Phúc H có hộ khẩu thường trú tại thị trấn H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị T và ông Kim Phúc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông H là hợp pháp. Quá trình chung sống, từ đầu năm 2022 bà T và ông H thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, thể hiện từ năm 2022 giữa ông H và bà T xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tại phiên tòa, ông H và bà T đều trình bày ông, bà tuy sống chung một nhà nhưng ly thân mỗi người một phòng, không ăn chung và không còn quan hệ tình cảm. Ông H đề nghị được đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm; đối với bà T vẫn kiên quyết đề nghị được ly hôn ông H. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H là có căn cứ.

[3] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là cháu Kim Gia P, sinh ngày 13/01/2002 và cháu Kim Gia B, sinh ngày 09/6/2008. Hiện nay cả 02 con đang ở với ông, bà. Ly hôn do cháu P đã thành niên, lao động tự túc được nên bà T và ông H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Kim Gia B, bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của bà T là chính đáng, hiện nay bà T đang buôn bán điện thoại, thu nhập từ 10.000.000đồng đến 15.000.000đồng/tháng, có đủ điều kiện trực tiếp nuôi con; quá trình giải quyết vụ án, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ trong trường hợp bố mẹ ly hôn, do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con, cần giao cháu B cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu nên ông H không phải cấp dưỡng nuôi con; ông H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Ngô Thị T được ly hôn ông Kim Phúc H.

2. Về con chung: Bà Ngô Thị T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Kim Gia B, sinh ngày 09/6/2008. Ông Kim Phúc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007159 ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh